

VÀI NÉT VỀ MỘT SỐ KHUYNH HƯỚNG LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC ở châu Âu thế kỷ XIX

Ths. NGUYỄN ĐỨC CHIÊN

Viện Xã hội học

Châu Âu lục địa không chỉ được coi là cái nôi của xã hội học mà chính nơi đây đã sản sinh nhiều quan điểm lý thuyết xã hội học. Các khuynh hướng lý thuyết này đã góp phần vào sự hình thành và phát triển tri thức xã hội học, bên cạnh đó đưa ra nhiều kiến giải mới về những thay đổi xã hội châu Âu đương thời.

Từ xã hội cổ truyền chuyển sang hiện đại dẫn đến nhiều thay đổi cấu trúc xã hội. Việc tìm hiểu luận giải xã hội của các khuynh hướng lý thuyết xã hội học cổ điển châu Âu vẫn được xem là có giá trị đối với xã hội học-ngành khoa học non trẻ ở Việt Nam hiện nay. Bài viết này nhằm tìm hiểu sự xuất hiện và phát triển một số khuynh hướng lý thuyết xã hội học ở châu Âu thế kỷ XIX. Đây là các lý thuyết có ý nghĩa lớn trong sự phát triển của tư duy xã hội học. Lần lượt các chủ đề sau đây sẽ được bàn tới: Tiền đề ra đời lý thuyết xã hội học; Cấu trúc luận (thuyết tiếp cận ở tâm vĩ mô), quan điểm của August Comte, Herbert Spencer, Emile Durkheim; Chủ quan luận (phản cấu trúc) thuyết tiếp cận ở tâm vi mô, quan điểm của Max Weber và Georg Simmel.

1. Tiền đề ra đời các lý thuyết xã hội học

Trước tiên đó là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học diễn ra ở thế kỷ XVI, XVII và đặc biệt là thế kỷ XVIII đã làm thay đổi phương pháp luận khoa học. Đời sống xã hội của con người được xem như là một thể thống nhất vận động và biến đổi theo quy luật. Các quy luật của xã hội có thể nhận thức được và giải thích được thông qua việc sử dụng và phát triển các khái niệm, phạm trù và phương pháp nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở nhận thức khoa học có thể biến đổi, cải tạo được xã hội. Kế tiếp là Đại cách mạng Pháp năm 1789, đánh dấu thời kỳ suy tàn chế độ phong kiến. Khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái” đã có tác động đến nhận thức, tư tưởng và hành động chính trị của giai cấp công nhân và quần chúng lao động về quyền con người và quyền bình đẳng giai cấp. Cuối cùng là cuộc Cách mạng Công nghiệp đã xoá bỏ hệ thống thiết chế kinh tế-xã hội kiểu phong kiến cũ ở Âu châu, thay thế nó là phương thức tổ chức kinh tế-xã hội hiện đại.

Những thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội, và khoa học phát triển Âu châu lục địa, đặc biệt là ở Pháp, Anh, Đức thời kỳ này đã

phá vỡ trật tự xã hội phong kiến, gây những xáo trộn và biến đổi sâu rộng trong đời sống xã hội. Các quan hệ xã hội và cấu trúc xã hội trở lên phức tạp, mất ổn định. Đây là những tiền đề quan trọng cho sự ra đời xã hội học và hình thành các lý thuyết ban đầu của ngành khoa học này với tính cách như một khoa học giải thích những hiện tượng xã hội mới nảy sinh. Điều này giải thích tại sao các nhà xã hội học giai đoạn này đều hướng lý thuyết xã hội học đến việc giải thích các quan hệ và tìm ra các quy luật xã hội để từ đó tạo ra trật tự xã hội.

2. Cấu trúc luận

Cấu trúc luận được xem là một lối giải thích riêng thuộc về cách tiếp cận tổng thể trong xã hội. Những người theo cấu trúc luận nhìn xã hội như một chỉnh thể, hay một hệ thống được tạo lên bởi các bộ phận cấu thành nên nó. Và họ nhấn mạnh tính liên kết chặt chẽ của các bộ phận cấu thành nên một chỉnh thể.

Nguồn gốc lịch sử của khuynh hướng này gắn chủ yếu với truyền thống xã hội học Pháp và Anh. Người khai sinh xã hội học và có công khởi xướng cấu trúc luận là **August Comte** (1798-1857), nhà triết học thực chứng người Pháp. Luận điểm về cấu trúc luận thể hiện rất rõ trong các tác phẩm *Triết học thực chứng* (1830-1842), *Hệ thống chính trị học thực chứng* (1851-1854). Ông quan niệm cấu trúc xã hội với tư cách là một hệ thống bao giờ cũng được cấu tạo nên từ các cấu trúc xã hội khác nhỏ

hơn, đơn giản hơn gọi là tiểu cấu trúc xã hội. Nó phát triển theo con đường tiến hoá từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Sự phát triển của xã hội biểu hiện qua sự phân hoá, đa dạng hoá và chuyên môn hoá chức năng, cũng như mức độ liên kết giữa các tiểu cấu trúc xã hội. Ông cho rằng, hiểu được cấu trúc xã hội có nghĩa là nắm bắt được các đặc điểm, các thuộc tính và các mối liên hệ của các tiểu cấu trúc xã hội. Do đó, lý thuyết xã hội học phải hướng tới, tìm ra những quy luật khái quát của mối quan hệ của các sự vật, hiện tượng, quá trình xã hội. Comte tin rằng xã hội học có thể phát hiện, chứng minh và làm sáng tỏ các quy luật tổ chức và biến đổi xã hội bằng phương pháp luận của chủ nghĩa thực chứng. Theo ông xã hội học giống khoa học tự nhiên, như vật lý học hay sinh vật học trong việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm để tìm ra bản chất, quy luật của xã hội. Với tinh thần như vậy, Comte gọi xã hội học là vật lý học xã hội chuyên ngành nghiên cứu quy luật của sự phát triển chung của xã hội loài người. Ông chia xã hội học ra hai bộ phận cơ bản là: Tĩnh học xã hội và Động học xã hội. Tĩnh học xã hội chuyên nghiên cứu thành phần cấu trúc xã hội của hệ thống xã hội loài người. Theo ông, nghiên cứu tĩnh học xã hội để tìm hiểu các quy luật duy trì sự ổn định, trật tự của cấu trúc xã hội. Ông cho rằng, do thiếu sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận mà cấu trúc xã hội bị rối loạn gây ra sự bất thường xã hội. Động học xã

hội chuyên nghiên cứu các quá trình vận động, biến đổi xã hội để tìm ra các quy luật xã hội.

Với các tác phẩm và quan điểm lý luận này, August Comte được đánh giá là một đại biểu lớn có công khởi xướng trào lưu cấu trúc luận. Ông cũng là người đưa ra những câu hỏi đầu tiên liên quan đến cấu trúc luận xuyên suốt quá trình phát triển khuynh hướng này ở thế kỷ XIX. Đó là: Trật tự xã hội là gì? Làm thế nào thiết lập và duy trì được trật tự xã hội? Làm thế nào duy trì được mối liên hệ giữa các bộ phận (các tiểu cấu trúc xã hội) khi mức độ phân hoá chức năng của chúng ngày một tăng lên trong xã hội.

Một đại biểu khác cũng đóng góp nhiều cho trào lưu này là **Herbert Spencer** (1820-1903), nhà triết học, xã hội học người Anh. Tiếp nhận các quan điểm của các nhà khoa học xã hội và khoa học tự nhiên trước đó (Adam Smith và Charles Darwin) và tư tưởng xã hội học của August Comte, H. Spencer đã phát triển lý luận xã hội học. Xã hội học có thể vận dụng các nguyên lý và khái niệm của sinh vật học về cấu trúc và chức năng để nghiên cứu “cơ thể xã hội”, có nhiệm vụ phát hiện ra quy luật, nguyên lý của cấu trúc và của quá trình xã hội.

Các tác phẩm *Tình học xã hội* (1850), *Nghiên cứu xã hội học* (1873), *Các nguyên lý của xã hội học* (1876), *Xã hội học mô tả* (1873) cho thấy rõ quan điểm về cấu trúc

luận của Spencer. Theo ông xã hội cũng giống như một cơ thể sống gồm các bộ phận, các cơ quan, các tổ chức, chúng vận động và phát triển theo chức năng và quy luật. Hay nói cách khác, xã hội là một cơ thể có tính hệ thống gồm các cơ quan tức là các tiểu hệ thống xã hội. Các bộ phận của cơ thể tác động lẫn nhau chặt chẽ đến mức bất kỳ một thay đổi nào ở một bộ phận nào đều kéo theo thay đổi ở các bộ phận khác. Mỗi bộ phận là một cơ thể vi mô, một cơ quan, một tế bào có cấu tạo và chức năng nhất định. Giống như các cơ thể sống, với tư cách là cơ thể siêu-hữu cơ, xã hội liên tục trải qua các giai đoạn sinh trưởng, tiến triển, suy thoái kế tiếp nhau. Xã hội chỉ có thể tồn tại và phát triển lành mạnh khi các cơ quan chức năng của xã hội đó đảm bảo thoả mãn được các nhu cầu sống của xã hội. Sự biến đổi chức năng của các bộ phận kéo theo sự biến đổi cấu trúc cả chính thể xã hội. Những luận điểm này được xem là nền tảng thuyết cấu trúc của ông giải thích về cơ thể xã hội, sự tiến hóa, và phân hoá chức năng trong xã hội.

Quan điểm của Spencer có ý nghĩa rất quan trọng đối với xã hội học hiện đại. Những phân tích về tác nhân của xã hội và các nguyên lý tiến hoá xã hội, nguyên lý về chức năng và cấu trúc xã hội đóng vai trò nền tảng hình thành xu hướng chức năng luận trong xã hội học. Hơn nữa, những tư tưởng của ông về cấu trúc xã hội như là cơ thể siêu-hữu cơ đang được vận dụng trong lý thuyết hệ thống tổng quát,

lý thuyết về các hệ thống sống và lý thuyết điều khiển học.

Emile Durkheim (1858-1917), nhà xã hội học Pháp, đại biểu lớn của trường phái cấu trúc luận. Ông đã tiếp tục phát triển các ý tưởng của Comte và nhất là của Spencer về cơ thể xã hội, tiến hoá xã hội, chức năng xã hội để xây dựng lý luận xã hội học của mình.

Trong các tác phẩm *Phân công lao động trong xã hội* (1893), *Các quy tắc của phương pháp xã hội học* (1895), *Tự tử* (1897), *Những hình thức sơ đẳng của đời sống tôn giáo* (1912), quan điểm lý luận của Durkheim phản ánh rõ cách tiếp cận vĩ mô trong nghiên cứu xã hội với tư cách là một chỉnh thể hệ thống. Ông cho rằng, xã hội tồn tại bên ngoài cá nhân và có trước cá nhân với nghĩa là cá nhân được sinh ra trong xã hội và phải tuân thủ các chuẩn mực, phép tắc xã hội đã có sẵn trước khi cá nhân đó sinh ra. Vì vậy, xã hội học cần phải xem xét hệ thống xã hội, cấu trúc xã hội và các hiện tượng xã hội với tư cách là các sự vật, các bằng chứng, các sự kiện đang tác động tới đời sống của các cá nhân. Cần coi xã hội, cấu trúc xã hội, thiết chế xã hội, đạo đức, truyền thống, phong tục, tập quán, ý thức tập thể như các sự kiện xã hội, các sự vật, các bằng chứng xã hội có thể quan sát, đo lường được một cách khách quan. Lý thuyết xã hội học của Durkheim làm sáng tỏ nhiều chủ đề quan trọng như chức năng xã hội và cấu trúc xã hội, phân loại xã hội bình thường và sai lệch xã hội, trật tự xã hội và biến đổi xã hội.

Tóm lại, sự hình thành và phát triển của khuynh hướng cấu trúc luận là kết quả đóng góp của nhiều đại biểu khác nhau, nhưng quan điểm lý luận đều thống nhất ở chỗ cho rằng, để giải thích sự tồn tại và vận hành xã hội cần phân tích cấu trúc-chức năng của nó, từ đó chỉ ra các thành phần cấu thành và cơ chế hoạt động của chúng. Các luận điểm cấu trúc luận đều nhấn mạnh tính liên kết chặt chẽ của các bộ phận cấu thành nên một chỉnh thể. Một xã hội tồn tại được, phát triển được là do các bộ phận cấu thành của nó hoạt động nhịp nhàng với nhau để đảm bảo sự cân bằng chung của cả cấu trúc; bất kỳ một sự thay đổi nào ở thành phần nào cũng kéo theo sự thay đổi ở các thành phần khác. Sự biến đổi của cấu trúc tuân theo quy luật tiến hoá, thích nghi khi môi trường sống thay đổi; Sự biến đổi của cấu trúc luôn hướng tới sự thiết lập lại trạng thái cân bằng, ổn định.

Nhìn lại lịch sử cho thấy cấu trúc luận với luận giải thuyết phục hơn những vấn đề thực tế ở tầm vĩ mô, và đã thống trị trong xã hội học một thời gian khá dài. Tuy nhiên, lý luận của các đại biểu theo khuynh hướng lý thuyết này gặp phải bế tắc trong việc giải thích ở tầm vi mô và bị chỉ trích nhiều từ khuynh hướng mới- chủ quan luận.

3. Chủ quan luận

Các nhà cấu trúc luận nhìn xã hội trong một chỉnh thể, hay một hệ thống được tạo lên bởi các bộ phận cấu thành nên nó, và họ nhấn mạnh tính liên kết chặt chẽ của các

bộ phận cấu thành nên một chỉnh thể. Các cá nhân tồn tại trong những cấu trúc được hiểu như là những cái không thể tri giác một cách trực tiếp được. Và ý nghĩa của hành động hay ứng xử của các cá nhân nằm ở cấu trúc xã hội. Nhưng đối với các nhà lý thuyết theo thuyết chủ quan thì các sự kiện xã hội được giải thích bằng hành động cá nhân. Ở trung tâm cách tiếp cận này là khái niệm về “tác nhân xã hội” là cái tự do và hoàn toàn độc lập. Hoàn toàn chấp nhận rằng cá nhân chịu những sự điều chỉnh nhất định, các nhà xã hội học theo khuynh hướng này xác lập lý do hành động của cá nhân bằng những bối cảnh nhất định trong đó cá nhân tồn tại.

Thật dễ hiểu khi cả hai nhà nghiên cứu **Georg Simmel** (1858-1918) và **Max Weber** (1864-1920) có cùng quan điểm lý luận và được xem là những đại biểu cùng đặt những viên gạch đầu tiên cho trào lưu lý thuyết này. Thuyết này chịu ảnh hưởng của một số trường phái triết học, các lý thuyết tâm lý học ý thức, tâm lý học hành vi và tâm lý học xã hội. Là đồng bào của nhau nên trong thời gian làm khoa học hai ông thường gặp gỡ nhau để đàm đạo về những vấn đề thời sự và học thuật. Sự xuất hiện các tác phẩm của hai ông báo hiệu sự ra đời của một khuynh hướng lý luận rất khác với khuynh hướng được phát triển tại Pháp. Khuynh hướng này ra đời đánh dấu giai đoạn cạnh tranh ác liệt giữa các trường phái lý thuyết trên vũ đài xã hội học.

Những quan điểm lý luận xã hội học của Georg Simmel chịu ảnh hưởng của triết học và tâm lý học xã hội. Những quan điểm lý luận của Simmel được Weber tán đồng và đánh giá cao vì phản ánh ý tưởng lý luận sâu sắc về vấn đề thực tế. Trong cuộc đời nghiên cứu, ông đã xuất bản nhiều cuốn sách, đáng chú ý nhất là tác phẩm *Triết học và đồng tiền* (1900), và nhiều bài viết đăng trên tạp chí Xã hội học Mỹ vào thập niên cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Các tác phẩm và bài viết của Simmel cho thấy sự thống nhất về quan niệm và cách lý giải. Ông cho rằng, xã hội học là khoa học đặc biệt về xã hội, chuyên nghiên cứu các hình thức của mối tương tác xã hội. Luận điểm này hướng nghiên cứu của ông về các hình thức, đặc điểm của tương tác xã hội trong mối quan hệ với quy mô, số lượng thành viên tương tác với nhau. Ông cho rằng xã hội được cấu thành từ các cá nhân và các nhóm xã hội. Mỗi nhóm gồm các cá nhân tương tác với nhau một cách có ý thức vì những mục đích, động cơ và lợi ích khác nhau của họ. Khác với các nhà xã hội học theo khuynh hướng cấu trúc thường coi xã hội như là “thực thể hay siêu thực thể, sự vật hay hệ thống”, Simmel xem xã hội như là cái tên chỉ một số lượng các cá nhân liên hệ với nhau bằng “sự tương tác”. Xã hội vừa tồn tại ngoài cá nhân, ngoài nhóm vừa thông qua sự tương tác xã hội và hành động có ý thức của các cá nhân. Do đó, cấp độ lý luận phân tích cơ bản của xã hội học là cá nhân và nhóm người.

Các quan điểm lý thuyết mang tính chủ quan luận cũng thể hiện trong các tác phẩm của Max Weber. Tác phẩm của ông bao gồm *Những tiểu luận phương pháp luận* (1902), *Đạo đức tin lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản* (1902-1904), *Kinh tế và xã hội* (1910), *Xã hội học về tôn giáo* (1912), *Tôn giáo Trung Quốc* (1913), *Tôn giáo Ấn Độ* (1916). Đáng quan tâm là các tác phẩm của ông thể hiện quan điểm thống nhất và bổ sung cho Simmel. Mặt khác ông xây dựng nhiều lý thuyết quan trọng như thuyết phân tầng xã hội, tổ chức xã hội và thuyết xã hội học về hành động xã hội.

Trong Lý thuyết về hành động xã hội, Weber cho rằng, hành động xã hội là đối tượng nghiên cứu của xã hội học. Xã hội học coi cá nhân và hành động của họ như là đơn vị cơ bản, như là nguyên tử của nó-nếu có thể được phép sử dụng cách so sánh gây tranh cãi này. Theo cách tiếp cận này, cá nhân cũng là giới hạn trên và là người duy nhất mang hành động có nghĩa. Nhiệm vụ của xã hội học là nghiên cứu các thiết chế xã hội như “nhà nước”, “tổ chức”, “cộng đồng” v.v... với tư cách là hành động cá nhân, là kiểu hành động của các cá nhân đang tương tác với nhau. Ông đã chỉ ra sự khác nhau giữa hành động xã hội và hành vi và hoạt động khác của con người. Xã hội học là khoa học có nhiệm vụ lý giải, tức là giải nghĩa, thông hiểu động cơ, ý nghĩa của hành động xã hội. Điều đó có nghĩa là xã hội học không giống như khoa học tự nhiên vì đối tượng nghiên cứu là hành động xã

hội và phương pháp nghiên cứu là giải nghĩa. Ông nhấn mạnh, xã hội học tiến tới cách giải thích nhân quả về đường lối và hệ quả của hoạt động xã hội. Ông lý giải, nghiên cứu hành động xã hội mà chỉ xem xét, phân tích những đặc điểm quan sát được từ bên ngoài thì không đủ, thậm chí không có ý nghĩa xã hội học. Nghiên cứu như vậy khó có thể hiểu, nắm bắt và lý giải được những hiện tượng bên trong của hành động xã hội.

Đánh giá các tư tưởng xã hội học của Georg Simmel và Max Weber, các nhà xã hội học cho rằng hai ông có công khởi xướng khuynh hướng chủ quan luận-lý thuyết tiếp cận ở tầm vi mô, có luận giải khá rõ hành động xã hội của các chủ thể xã hội, và là cơ sở cho sự phát triển tiếp theo của các trào lưu lý thuyết khác (thuyết xung đột, thuyết trao đổi, thuyết mạng lưới xã hội...) trong xã hội học hiện đại. Đáng tiếc là các quan điểm lý thuyết của hai ông cũng bị khuynh hướng khác phê phán vì mang tính cá nhân chủ nghĩa, sai lầm khi đặt ý nghĩa và hành động trong bất kỳ bối cảnh thực tế xã hội nào. Thực sự mối quan hệ giữa bối cảnh đó và hành động xã hội ít được giải thích thoả đáng.

4. Một vài nhận xét

Những quan điểm của các khuynh hướng lý thuyết gắn liền với bối cảnh chung về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học châu Âu thế kỷ XIX. Tuy nhiên, sự ra đời và phát triển của mỗi khuynh hướng lại

gắn riêng với xã hội học mỗi quốc gia. Nếu Pháp và Anh là quê hương cấu trúc luận, thì nguồn gốc chủ quan luận hay còn gọi là phản cấu trúc lại ra đời và phát triển mạnh ở Đức.

Bằng chứng lịch sử xã hội học cho thấy những lý thuyết xã hội học này đối lập với nhau trong sự phân tích các thực tế xã hội. Trong khi các nhà cấu trúc luận nhìn xã hội như là một tập hợp của các mối liên hệ được khuôn mẫu hoá, tồn tại khách quan bên trên và bên ngoài mọi ý chí và ý muốn chủ quan của con người, ấn định khuôn mẫu cho hành động của con người, họ xem các cá nhân tồn tại trong những cấu trúc, các ứng xử và hành động của cá nhân nằm ở cấu trúc xã hội, thì các nhà chủ quan luận lại nhìn xã hội với các hành động, tương tác của cá nhân chịu sự điều chỉnh nhất định của những bối cảnh nhất định mà cá nhân tồn tại. Đây là quan hệ đối cực. Một bên thiên về tiếp cận ở tầm vĩ mô, còn bên kia thiên về tiếp cận vi mô. Cấu trúc luận chỉ nhìn thấy các thành tố, quan hệ giữa các thành tố, không thấy con người, nhân tố chủ quan, trong khi đó chủ quan luận nhấn mạnh nhân tố con người, yếu tố chủ quan. Mỗi cách tiếp cận đều có thể mạnh và hạn chế nhất định. Vì có tồn tại hạn chế nên cả hai đều bị phê phán từ các trào lưu lý thuyết mới.

Hơn hai thế kỷ đã qua đi, nhưng các quan điểm lý luận cơ bản của hai khuynh

hướng này vẫn còn nguyên giá trị đối với xã hội học đương đại. Hiện nay không chỉ xã hội học châu Âu mà xã hội học ở các châu lục khác cũng xem những lý luận cơ bản này là cơ sở cho những lý luận trong xã hội học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ansart, P. *Các trào lưu xã hội học hiện nay*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh. 2001.
2. Bùi Quang Dũng. *Tóm tắt Lịch sử Xã hội học*. Thư viện Viện Xã hội học. Hà Nội. 1997.
3. Bilton T. et al. *Nhập môn Xã hội học* (Phạm Thuỷ Ba dịch). Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 1993.
4. Guter Endrweit. *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*. Nxb Thế giới. Hà Nội. 1999.
5. Hà Ngân Dung (Chủ biên). *Các nhà xã hội học thế kỷ 20*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2001.
6. Korte. H. *Nhập môn lịch sử xã hội học*. Nxb Thế giới. Hà Nội. 1997.
7. Giddens. A. *Sociology*. Third Edition. Cambridge: Polity Press. 1997.
8. Lê Ngọc Hùng. *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*. Nxb Đại học Quốc gia. Hà Nội. 2002.
9. Marshall, G. *A Dictionary of Sociology*. Oxford University Press. 1998.
10. Passeron. Jean-Claud. *Lý luận xã hội học*. Nxb Thế giới. Hà Nội. 2002.
11. Popenoe, D. *Sociology*. Prentice-Hall, Englewood Cliffs, New Jersey. 1986.
12. Ritzer, G. *Modern Sociological Theory*. McGraw Hill International Editions. 1996.
13. Robertson. I. *Sociology*. Worth Publishers, New York. 1987.